



# BẢNG GIÁ HÀNG SALE

- Truy cập website [THAK](http://THAK) để biết thêm về:  
*Chương trình Sale - Sản phẩm mới - Lịch về hàng*
- Đặt hàng tại: Website [THAK](http://THAK) hoặc inbox Fanpage [CHỢ SỦ THAK](https://www.facebook.com/CHỢ_SỦ_THAK)



**SALE**



**Bột bánh canh 250g**  
バインカンの粉  
50袋/カートン  
1個口: 2カートンミックス

賞味期限: 2027/05/05

~~210~~ **180円(税込)/袋**

**SALE**



**Bột gạo 400g**  
米粉  
22袋/カートン  
1個口: 3カートンミックス

賞味期限: 2027/06/13

~~310~~ **305円(税込)/袋**

**SALE**



**Mì Hảo Hảo**  
tôm chua cay 75g  
ハオハオトムチュアカイ  
30袋/カートン  
1個口: 10カートンミックス

賞味期限: 2027/04/11

~~1,690~~ **1,590円(税込) / カートン**

**SALE**



**Mực Bento đỏ 4g**  
(vị ngọt cay)  
ベント、スクイード  
& スパイシー味  
13袋/パック  
24パック/カートン  
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

**SALE**



**Cung Đình KOOL Mì Trộn Spaghetti 105g**  
Cung Đình Koolクール炒め  
インスタント麺  
(スパゲッティ味)  
30袋/カートン  
1個口: 8カートンミックス

賞味期限: 2026/12/23

~~2,600~~ **1,800円(税込)/カートン**

**SALE**



**Cung Đình Phở Trộn Xốt Tương Đen 80g**  
Cung Đình Kool 香港風混ぜビーフン  
12袋/カートン  
1個口: 6カートンミックス

賞味期限: 2026/12/23

~~2,100~~ **1,500円(税込)/カートン**

**SALE**



**Mực Bento xanh nõn 4g**  
(vị chua cay)  
ベント、スーパースパイシーシーフード味  
13袋/パック  
24パック/カートン  
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

**SALE**



**Mực Bento vàng 4g**  
(vị cay nhẹ)  
ベント、ラーブ味  
13袋/パック  
24パック/カートン  
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

**SALE**



**Mực Bento cam 4g**  
(vị cay nguyên bản)  
ベント、ナンブリック  
タイオリジナル味  
13袋/パック  
24パック/カートン  
1個口: 4カートンミックス

賞味期限: 2026/11/18

~~335~~ **98円(税込)/パック**

SALE



Tương ớt Thái nhỏ 230g

チリソース

ซอสพริก

24本／カートン

1個口：2カートンミックス

賞味期限：2027/05/07

~~198~~ 180円(税込)/本

SALE



Cải muối 140g

ケムチャイ

ผักกาดดองเค็ม

48本／カートン

1個口：2カートンミックス

賞味期限：2028/01/30

~~178~~ 168円(税込)/本

SALE



Nước lựu Thái 350ml

ザクロドリンク

น้ำทับทิม

24本／カートン

1個口：2カートンミックス

賞味期限：2026/10/29

~~192~~ 150円(税込)/本

SALE



Chao đỏ 300g

紅豆腐

เต้าหู้ยี้

24本／カートン

1個口：2カートンミックス

賞味期限：2026/10/22

~~545~~ 450円(税込)/本

GIÁ TỐT



Khoai mì xay sẵn túi 1kg

冷凍挽きキャッサバ

730y/kg

SALE



Hạt mắc khén

マックケン

(ベトナム山椒)

1個口：20kgミックス

~~4,650~~ 3,550円(税込)/kg



SALE

Tổ ong/ Sách dê  
ヤギの胃腸

800 660y/kg



SALE

Vịt CP 1,6~1,7kg  
アヒル (ダック)

1,205 1,190y/con



SALE

Vịt CP nửa con  
アヒル (ダック)

660 655y/túi



SALE

Bắp heo có da xương - Nguyên thùng  
皮・骨付き豚スネ

710 630y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh - CK  
皮・骨付き豚スネ (スライス)

830 710y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh  
皮・骨付き豚スネ (スライス)

800 680y/kg



SALE

Cốt lết không xương nguyên tảng  
豚ロース (骨なし)

870 840y/kg



SALE

Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)  
ライギョ魚

860 398y/kg



SALE

Cá thu phi lê đóng khay  
さわらフィレー

2,510 1,500y/kg

SALE



Lòng non sạch cuống túi thường  
脂肪抜き豚小腸

~~660~~ **620y/kg**

SALE



Bao tử túi CK 1~1,5kg  
豚ガツ

~~600~~ **480y/kg**

SALE



Bao tử nguyên thùng  
豚ガツ

~~530~~ **450y/kg**

SALE



Gân mỡ bắp bò - CK ~1kg  
牛すね肉のスジと脂

~~450~~ **400y/kg**

SALE



Tim bò nguyên thùng  
牛ハツ (ぎゅうハツ)

~~890~~ **820y/kg**

SALE



Ba chỉ bò - Túi CK  
牛バラ

~~1,060~~ **960y/kg**

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG ĐỦ KIẾN

Quý khách mua đủ kiện hoặc ghép đủ kiện sẽ được áp dụng bao ship/miễn ship theo quy như sau:

| Vùng/Tỉnh                                                                                       | Phí ship/kiện  |                  |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------|
|                                                                                                 | Hàng thường    | Đông/mát         |
| <b>Vùng Chubu</b><br>Niigata, Toyama, Ishikawa, Fukui, Yamanashi, Nagano, Gifu, Shizuoka, Aichi | Miễn phí       | Miễn phí         |
| <b>Vùng Kansai</b><br>Mie, Shiga, Kyoto, Osaka, Hyogo, Nara, Wakayama                           |                |                  |
| <b>Vùng Kanto</b><br>Ibaraki, Tochigi, Gunma, Saitama, Chiba, Tokyo, Kanagawa                   |                |                  |
| <b>Vùng Chugoku</b><br>Tottori, Shimane, Okayama, Hiroshima, Yamaguchi                          | Miễn phí       | Phụ ship: 230円   |
| <b>Vùng Shikoku</b><br>Tokushima, Kagawa, Ehime, Kochi                                          |                |                  |
| <b>Vùng Tohoku (1):</b><br>Miyagi, Yamagata, Fukushima                                          |                |                  |
| <b>Vùng Tohoku (2):</b><br>Aomori, Iwate, Akita                                                 | Miễn phí       | Phụ ship: 380円   |
| <b>Vùng Kyushu (1):</b><br>Kumamoto, Miyazaki, Kagoshima                                        |                |                  |
| <b>Vùng Kyushu (2):</b><br>Fukuoka, Saga, Nagasaki, Oita                                        | Miễn phí       | Phụ ship: 345円   |
| <b>Hokkaido</b>                                                                                 | Phụ ship: 500円 | Phụ ship: 1,500円 |

PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ KIẾN

| Vùng/Tỉnh                             | Phí ship/kiện |          |
|---------------------------------------|---------------|----------|
|                                       | Hàng thường   | Đông/mát |
| <b>Hokkaido</b>                       | 2,000円        | 3,500円   |
| <b>Các tỉnh còn lại (trừ Okinawa)</b> | 1,500円        | 2,500円   |

HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán bằng 1 trong 2 hình thức sau:

1. Thanh toán khi nhận hàng (Daibiki)

| Tổng tiền thu hộ/Daibiki | Mức Phí                               |
|--------------------------|---------------------------------------|
| < 10,000                 | 330                                   |
| < 30,000                 | 440                                   |
| < 100,000                | 660                                   |
| < 300,000                | 1,100                                 |
| ≥ 300,000                | Chỉ chấp nhận thanh toán chuyển khoản |

2. Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

静岡銀行（Shizuoka）  
浜松営業支店（Hamamatsu）  
普通：1678352   ティーエイチエーケー（カ）

## 条件付き購入時の送料

条件を満たす場合、または条件を満たすように同梱された場合は、以下の規定に従って送料無料または送料割引が適用されます。

| 県名                                 | 配送料／箱      |              |
|------------------------------------|------------|--------------|
|                                    | 常温         | 冷蔵・冷凍        |
| 中部地方<br>新潟・富山・石川・福井・山梨・長野・岐阜・静岡・愛知 | 送料無料       | 送料無料         |
| 関西地方<br>三重・滋賀・京都・大阪・兵庫・奈良・和歌山      |            |              |
| 関東地方<br>茨城・栃木・群馬・埼玉・千葉・東京・神奈川      |            |              |
| 中国地方<br>鳥取・島根・岡山・広島・山口             | 送料無料       | 追加送料: 230円   |
| 四国地方<br>徳島・香川・愛媛・高知                |            |              |
| 東北地方（1）：<br>宮城・山形・福島               |            |              |
| 東北地方（2）：<br>青森・岩手・秋田               | 送料無料       | 追加送料: 380円   |
| 九州地方（1）：<br>熊本・宮崎・鹿児島              |            |              |
| 九州地方（2）：<br>福岡・佐賀・長崎・大分            | 送料無料       | 追加送料: 345円   |
| 北海道                                | 追加送料: 500円 | 追加送料: 1,500円 |

## 条件付き購入時の送料

| 県名            | 配送料／箱  |        |
|---------------|--------|--------|
|               | 常温     | 冷蔵・冷凍  |
| 北海道           | 2,000円 | 3,500円 |
| その他の地域（沖縄を除く） | 1,500円 | 2,500円 |

## お支払い方法：以下の2つの方法のいずれかでお支払いください。

1. 代金引換（daibiki）の場合、代引き手数料は以下の通りです。

| 代引金額（daibiki） | 手数料         |
|---------------|-------------|
| < 10,000      | 330         |
| < 30,000      | 440         |
| < 100,000     | 660         |
| < 300,000     | 1,100       |
| ≥ 300,000     | 銀行振込前払いのみ対応 |

2. 下記の口座に前払いでお振込みください。

|                                                                   |
|-------------------------------------------------------------------|
| 静岡銀行（Shizuoka）<br>浜松営業支店（Hamamatsu）<br>普通：1678352   ティーエイチエーケー（カ） |
|-------------------------------------------------------------------|